

UBND TỈNH AN GIANG
Cty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang

Số: *18* /BC-NLN.2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO

V/v báo cáo tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang 06 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: - ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
- SỞ TÀI CHÍNH TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 77/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Công văn số 491/STC-DN-HTĐT ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang, về việc báo cáo giám sát tài chính 6 tháng năm 2025;

Nay Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang báo cáo tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2025 cụ thể như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, trong đó nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ
- Vốn điều lệ: 82.239.503.000 đồng
- Vốn thực góp đến thời điểm báo cáo: 82.239.503.000 đồng (trong đó: Nhà nước giữ 51% tương đương 41.942.147.000 đồng)
- Cơ cấu quản trị doanh nghiệp: gồm Hội đồng thành viên: 02 người; Ban điều

hành: 04 người; người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch hội đồng thành viên

- Ngành nghề kinh doanh chính: Lĩnh vực kinh doanh là nông nghiệp; lâm nghiệp; kinh doanh phân bón và các dịch vụ nông nghiệp

2. Thông tin về người đại diện:

Ông Trần Hữu Phúc – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

3. Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn:

- Đến thời điểm ngày 30/06/2025, vốn điều lệ của công ty là 82.239.503.000 đồng, trong đó Nhà nước giữ 51% vốn điều lệ tương đương số tiền là 41.942.146.530 đồng. Vốn nhà nước được bảo toàn.

- Đến thời điểm ngày 30/06/2025, Vốn chủ sở hữu (mã 400) là: 90.841.226.986 đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ là	: 82.239.503.000 đồng
+ Quỹ đầu tư phát triển là	: 324.865.237 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế (kỳ trước)	: 1.831.626.207 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế (kỳ này)	: 1.998.367.750 đồng
+ Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	: 4.446.864.792 đồng

4. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp:

4.1. Hoạt động đầu tư vốn, tài sản tại doanh nghiệp ra ngoài doanh nghiệp và đầu tư, huy động vốn vào các dự án hình thành tài sản cố định, xây dựng cơ bản:

- Đối với việc hoạt động đầu tư vốn, tài sản ra ngoài doanh nghiệp: Trong 06 tháng đầu năm 2025, Công ty không đầu tư vốn, tài sản ra ngoài doanh nghiệp

- Đối với hoạt động đầu tư vốn và huy động vốn vào các dự án hình thành tài sản cố định, xây dựng cơ bản: Do nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, 06 tháng đầu năm 2025 công ty đã đầu tư trồng – chăm sóc rừng với tổng số tiền là: 470.296.597 đồng (trong đó: Rừng trồng năm 2017 là 134.307.750 đồng; rừng trồng năm 2018 là 83.531.487 đồng; rừng trồng năm 2019 là 53.310.221 đồng; rừng trồng năm 2020 là 60.879.704 đồng, rừng trồng năm 2022 là 23.283.249 đồng và rừng trồng năm 2023 là 114.984.186), những lĩnh vực khác công ty không đầu tư vốn, tài sản và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

4.2. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

*** Tình hình huy động vốn:**

- Tổng nguồn vốn 06 tháng đầu năm 2025 giảm 2.102.988.391 đồng, tương ứng giảm 2,17% so với cuối năm 2024.

- Trong tổng nguồn vốn thì tỷ trọng nợ phải trả so với tổng nguồn vốn giảm 4,14%.

- Nợ phải trả cuối kỳ giảm 4.101.356.141 đồng (toàn bộ là nợ ngắn hạn) chủ yếu đến

từ việc giảm nợ huy động vốn 2.000 triệu đồng, phải trả cho người lao động giảm 710 triệu đồng, giảm các khoản phải trả khác 1373 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ tăng 1.998.367.750 đồng so với đầu năm, khoản tăng này là do tăng lợi nhuận 6 tháng đầu năm.

* Tình hình sử dụng vốn:

- Tổng tài sản cuối kỳ giảm 2.102.988.391 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 231.089.604 đồng, tài sản dài hạn giảm 2.334.077.995 đồng.

- Trong tổng tài sản thì tỷ trọng tài sản ngắn hạn cuối kỳ chiếm 63,72% (tăng 1,62% so với đầu năm), tỷ trọng tài sản dài hạn chiếm 36,28% (giảm 1,62% so với đầu năm).

- Tài sản ngắn hạn cuối kỳ tăng 231 triệu đồng so với đầu năm chủ yếu là do:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 14,3 tỷ đồng.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 4 tỷ đồng

+ Phải thu khách hàng giảm 7,8 tỷ đồng.

+ Trả trước cho người bán giảm 40 triệu đồng.

+ Phải thu ngắn hạn khác giảm 695 triệu đồng.

+ Hàng tồn kho giảm 1,5 tỷ đồng.

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 4,6 triệu đồng.

- Tài sản dài hạn cuối kỳ giảm 2,3 tỷ đồng so với đầu năm chủ yếu là do:

+ TSCĐ hữu hình giảm 1,01 tỷ đồng.

+ TSCĐ vô hình giảm 15,6 triệu đồng.

+ Chi phí trả trước dài hạn giảm 1,3 tỷ đồng.

4.3. Tình hình quản lý tài sản và quản lý nợ tại doanh nghiệp như sau:

- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, đến thời điểm 30/06/2025 một số chỉ tiêu tài chính cụ thể như sau:

+ Tổng tài sản : 94.846.821.983 đồng

Trong đó:

Tài sản ngắn hạn : 60.440.270.401 đồng

Tài sản dài hạn : 34.406.551.582 đồng

+ Nợ phải thu ngắn hạn : 16.034.537.978 đồng

+ Nợ phải thu dài hạn : 0 đồng

+ Nợ phải trả ngắn hạn : 4.005.594.997 đồng

+ Nợ phải trả dài hạn : 0 đồng

7005
NG TY
HỮU
LÂM N
N GIA
4. T

- Tình hình tỷ lệ khả năng thanh toán nợ và hệ số nợ phải trả:

+ Tỷ lệ khả năng thanh toán ($60.440.270.401 \text{ đồng} / 4.005.594.997 \text{ đồng}$) là 15,09

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: ($4.005.594.997 \text{ đồng} / 90.841.226.986 \text{ đồng}$) là 0,04

Công ty theo dõi và quản lý tài sản, quản lý các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả rõ ràng thông qua sổ sách chứng từ kế toán, hàng năm đều có kiểm kê tài sản, đối chiếu với khách hàng. Khả năng thanh toán các khoản nợ luôn được đảm bảo.

5. Tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 của doanh nghiệp:

- Doanh thu	:	14.450.722.870 đồng
- Lợi nhuận	:	1.998.367.750 đồng

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Số phát sinh phải nộp trong 06 tháng đầu năm 2025: 2.077.967.432 đồng, trong đó:

+ Tiền thuê đất: 2.065.974.832 đồng

+ Lợi nhuận được chia: 0 đồng

+ Thuế khác: 11.992.600 đồng

Số đã nộp trong 06 tháng đầu năm 2025 là 2.013.808.465 đồng, trong đó:

+ Thuế TNDN: 531.369.556 đồng

+ Tiền thuê đất: 1.475.696.309 đồng

+ Lợi nhuận được chia: 0 đồng

+ Thuế khác: 6.742.600 đồng

7. Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp: Công ty luôn thực hiện đúng các quy định về quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp. Công ty cũng đã ban hành và thực hiện đúng các quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương.

8. Vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp:

Trong 06 tháng đầu năm 2025, Công ty đã đạt được một số kết quả cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

- Về lĩnh vực nông nghiệp:

+ Cty tiếp tục mở rộng việc mua bán mặt hàng phân bón vô cơ như phân Lân, phân Kaly, Đạm DAP, các loại thuốc bảo vệ thực vật cho từng nông hộ trong khu vực công ty đang quản lý.

+ Triển khai đầu tư kênh mương nội đồng, nạo vét luồng kênh, v.v.. để phục vụ

cho sản xuất nông nghiệp tại khu vực đồng thời tạo điều kiện thuận tiện cho phương tiện giao thông trong quá trình thu mua sản phẩm nông nghiệp.

- Về lĩnh vực lâm nghiệp:

+ Hàng năm Công ty đều đầu tư từng trồng mới và chăm sóc rừng, đến nay đã phủ xanh toàn bộ diện tích quy hoạch rừng trồng công ty đang quản lý, cụ thể năm 2017 đã trồng mới là 165,9 ha; năm 2018 trồng mới là 103,18 ha; năm 2019 trồng mới là 65,85 ha và năm 2020 trồng mới là 75,20 ha; năm 2022 là 28,76 ha; năm 2023 là 18,2 ha. Dự kiến trong năm 2025 công ty sẽ đầu tư trồng thêm 106 ha rừng.

+ Theo kế hoạch, trong năm 2025, doanh thu từ khai thác rừng sẽ đạt khoản 5 tỷ đồng.

- Về lĩnh vực sản xuất phân hữu cơ vi sinh:

+ Công ty vẫn đang tiếp tục duy trì sản xuất và kinh doanh mặt hàng phân hữu cơ vi sinh. Tuy nhiên, Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, ban lãnh đạo Công ty đang tìm nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để có thể đạt kết quả tốt hơn trong lĩnh vực này.

Trên đây là Báo cáo của Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN HỮU PHÚC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
6 THÁNG NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh	Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định đầu tư	Vốn điều lệ trước khi bổ sung			Vốn điều lệ sau khi bổ sung			Vốn nhà nước phải đầu tư bổ sung	Nguồn bổ sung vốn điều lệ trong năm báo cáo					Tình hình đầu tư bổ sung vốn điều lệ			Ghi chú
						VDL của doanh nghiệp	Trong đó		VDL của doanh nghiệp	Trong đó			NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Khác	Bổ sung trong năm báo cáo	Bổ sung lũy kế	Còn phải bổ sung	
							Vốn góp của NN	Tỷ lệ sở hữu của NN		Vốn góp của NN	Tỷ lệ sở hữu của NN										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (11)-(8)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)= (13)-(20)	(17)
1	Cty TNHH Nông Lâm Nghiệp KG	Nông - lâm nghiệp				82.239,5	41.942,1	51%													
Cộng		x	x	x	x	82.239,5	41.942,1	51%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Trần Hữu Phúc, ngày 24 tháng 07 năm 2025
 Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang
 Chủ tịch HĐQT

TRẦN HỮU PHÚC

UBND TỈNH KIÊN GIANG
Cty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 03.A

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ
TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN VÀ KHÔNG QUÁ 50% VỐN ĐIỀU LỆ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư	Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Lỗ lũy kế (nếu có)	Số phát sinh phải nộp NSNN trong năm	Số cổ tức nộp ngân sách nhà nước trong năm (số phát sinh)	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Cty TNHH Nông Lâm Nghiệp KG	82.239,5	51%	14.450	1.998	-	2.077,96	-	2,22	15,09	4,41	

Rạch Giá, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp Kiên Giang

Chủ tịch HĐQT



TRẦN HỮU PHÚC